

Unit 2

1.CÁCH HỎI: ai / cái gì trông như thế nào?

[**What do /does look like ?**]

*Nếu cái cần hỏi là **số nhiều** dùng **Do**: What **do** the **pantS** look like?

*Nếu cái cần hỏi là **số ít** dùng **Does**: What **does** the **watch** look like?

2.CÁCH TRẢ LỜI

I	Am	+ Tính từ (tall/ beautiful, clean,...)
She / he/ it (1 người/ 1 vật)	Is	
We/ they (2 người/ 2 vật trở lên- s/es)	Are	
You	Are	

3.MỘT SỐ TÍNH TỪ MÔ TẢ

 beautiful /'bju:ti.fəl/	 handsome /'hæn.səm/	 short /ʃɔ:t/	 tall /tɔ:l/
 slim /slɪm/	 chubby /'tʃʌb.i/	 old /əʊld/	 young /jʌŋ/



4. HOMEWORK

A, Answer the question:

She / he / it (1 người/ 1 vật)	Is	+ Tính từ (tall/ beautiful, clean,...)
We/ they (2 người/ 2 vật trở lên- s/es)	Are	

What does **your mother** look like?

.....

What does **your father** look like?

.....

What do **the earrings** look like?



.....

What do **the boots** look like?



.....

B, Listen and answer

Gợi ý: She/ he is(*tall/ slim/ handsome/ beautiful, old,.....*)

She/ he is wearing (a dress, a shirt,....- mô tả trang phục)



TOM



SOPHIE



JAMES